

Bản án số: 05/2024/HS-ST  
Ngày: 29-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Lê Minh Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Quốc L**, sinh ngày 24/12/2004, tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc L1 và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị Kim H1 (chưa đăng ký kết hôn); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 30/9/2023, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Lê Văn N** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V. (có mặt)

**Bị hại:** **Đặng Hoàng V**, sinh ngày 17/5/2008. Nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

**Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

1. Chị **Đặng Thị H2**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc L và Đặng Hoàng V quen biết với nhau qua mạng Facebook, V cho L biết là V muốn bán một chiếc xe mô tô hiệu Satria màu đen nên L kêu V kết bạn Z và cho số điện thoại với nhau.

Khoảng 8 giờ ngày 05/9/2023, Đặng Hoàng V nhắn tin trên mạng facebook rao bán xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 với giá 12.000.000 đồng thì L nhìn thấy nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của V. Liên nhắn tin hỏi mua xe của V với số tiền 12.000.000 đồng thì V đồng ý bán và hẹn gặp nhau tại khu vực chùa P thuộc phường T, thành phố V để mua bán xe như hứa hẹn trước.

Đến khoảng 12 giờ 40 phút ngày 05/9/2023, L đi đến điểm hẹn thì gặp Đặng Hoàng V. Khi thỏa thuận mua bán xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 xong, Liên không có tiền nên nói dối với V là *“tiền mua xe sẽ được người anh tên N1 chuyển vào tài khoản của V, nhưng do giờ nghỉ trưa nên ngân hàng không làm việc”*. Liên kêu V để L điều khiển xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 chở V đi đến thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để chờ đến đầu giờ chiều Ngân hàng làm việc sẽ chuyển tiền vào tài khoản cho V rồi V đón xe khách về nhà, V đồng ý giao xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho L điều khiển chở V đi.

Khi đến thị trấn C thì L tiếp tục nói dối với V là *“không chuyển tiền được do kẹt mạng”*, L kêu V để L điều khiển xe chở V đến nhà người anh tên N1 để lấy tiền mặt và giao xe thì V đồng ý.

Liên điều khiển xe chở V đi vòng quanh các tuyến đường nhựa rồi đến khu dân cư vượt lũ xã T thuộc tổ F, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì L nói với V là có cây cầu nhỏ khó điều khiển xe đi qua nên kêu V xuống xe để một mình Liên chạy xe qua cầu (nhằm cho V rời khỏi xe để Liên dễ cướp giật được tài sản). Khi V xuống xe, L giả vờ điều khiển xe đi qua cầu rồi điều khiển xe quay lại gặp V nói là *“đi vào đường cùng, nên quay lại”*. Vừa nói xong, V chưa kịp lên xe thì L nhanh chóng tăng ga xe, cướp giật xe điều khiển đi về hướng huyện C, tỉnh Đồng Tháp để tẩu thoát. Sau khi cướp giật được xe mô tô của V thì L nhờ bạn tên Đào Thanh N2 đi cùng L đem xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 vừa cướp giật được đến thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bán cho anh Nguyễn Văn C với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) rồi L đem tiền về đưa cho vợ tên Nguyễn Thị Kim H1 cất giữ.

Qua điều tra Nguyễn Quốc L đã thừa nhận chiếm đoạt xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của V như đã nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu hồi được xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 và số tiền 6.000.000 đồng mà L bán xe có được đem về để xử lý.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 29/KLĐGTS ngày 12/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 có giá trị là 6.000.000 đồng.

Xét thấy Nguyễn Quốc L đã dùng hành vi gian dối để Đặng Hoàng V tin tưởng đưa xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho L điều khiển chở V. Khi V giao xe cho L điều khiển chở V, thì L nói dối để V xuống xe rời khỏi xe rồi Liền nhanh chóng tăng ga xe điều khiển đi luôn, nên hành vi của L đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Vào ngày 25/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Quốc L về tội “Cướp giật tài sản” và ra Lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của Đặng Hoàng V mua qua mạng rồi giao xe trực tiếp nhưng chưa làm thủ tục sang tên (xe mô tô này do anh Lê Nhật Đ, sinh năm 2004 cư trú tại 096/BH, ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe). Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho Đặng Hoàng V. Sau khi nhận lại xe thì V không yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Văn C, không biết được xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 mà Liền bán là xe do cướp giật mà có; anh Đào Thanh Nhân có đi cùng L bán xe cho anh C, nhưng N2 cũng không biết xe do L cướp giật mà có; chị Nguyễn Thị Kim H1 (vợ L) không biết số tiền 6.000.000 đồng mà L đưa cất giữ là tiền bán xe mô tô cướp giật mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh C, anh N2 và chị Kim H1.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng là tiền Liền bán xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho anh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám trắng có gắn sim số 0399105453 thu của L, L dùng để liên lạc mua bán, chiếm đoạt xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của V, cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Tại cáo trạng số: 77/CT-VKSBT ngày 14/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc L có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo tại địa phương đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho bị hại Đặng Hoàng V. Sau khi nhận lại xe thì bị hại V không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng là tiền bị cáo L bán xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho anh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C số tiền 6.000.000 đồng, sau khi nhận tiền anh C không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho bị hại Đặng Hoàng V, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám trắng có gắn sim số 0399105453 thu của bị cáo L, bị cáo L dùng để liên lạc mua bán, chiếm đoạt xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của bị hại V, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Quốc L, do bị cáo thuộc diện gia đình hộ nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc L, ông Lê Văn N trình bày: Thống nhất về tội danh và nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố đối với bị cáo L. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản đã thu hồi lại được và đã trả lại cho bị hại; về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên ảnh hưởng đến sự hiểu biết và nhận thức của bị cáo; bị cáo có cậu ruột tên Nguyễn Văn T1 là người có công với cách mạng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ trước đến nay ở địa phương bị cáo không có vi phạm pháp luật, gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn thuộc diện gia đình hộ nghèo ở địa phương, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được sai phạm do hành vi của mình gây ra và hứa sẽ không tái phạm. Với những tình tiết nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án tù 09 tháng tù đến 01 năm tù và miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Quốc L khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố, bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo thống nhất với lời bào chữa của ông Lê Văn N bào chữa cho bị cáo. Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 05/9/2023, do có hứa hẹn trước nên bị cáo Nguyễn Quốc L gặp bị hại Đặng Hoàng V tại khu vực chùa P thuộc phường T, thành phố V để giao dịch mua bán xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của bị hại V với giá là 12.000.000 đồng như thỏa thuận trước. Để chiếm đoạt được xe mô tô của bị hại V, bị cáo L giả vờ đồng ý mua xe với số tiền 12.000.000 đồng và nói dối tiền mua xe sẽ chuyển qua tài khoản của bị hại V, nhưng do mạng bị kẹt không chuyển tiền được, bị cáo L tiếp tục nói dối kêu bị hại V đưa xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho bị cáo L để chở bị hại V đến nhà người

quen lấy tiền mặt trả cho bị hại V thì bị hại Vũ tin thật nên đồng ý và giao xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho bị cáo L điều khiển chở bị hại V đi. Bị cáo L điều khiển xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 chở bị hại V đến khu vực thuộc tổ F, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì bị cáo L kêu bị hại V xuống xe để một mình bị cáo điều khiển xe qua cầu nhỏ để cho bị hại V rời khỏi xe. Khi bị hại V xuống xe thì bị cáo L chạy xe qua cầu rồi chạy xe quay lại gặp bị hại V nói dối là “*đi vào đường cùng, nên quay lại*”. Vừa nói xong, bị hại V chưa kịp lên xe thì bị cáo L nhanh chóng tăng ga xe chạy về hướng huyện C, tỉnh Đồng Tháp để tẩu thoát, rồi bị cáo L đem xe mô tô vừa cướp giật được của bị hại V bán cho anh Nguyễn Văn C với số tiền là 6.000.000 đồng.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản thì xe mô tô biển số 71B4-042.30 có giá trị là 6.000.000 đồng.

Bị cáo L có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Đặng Hoàng V là xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 một cách nhanh chóng và đầy bất ngờ rồi tẩu thoát để tránh sự phản kháng của bị hại V, bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại V khi bị hại chưa đủ 16 tuổi (bị hại V mới 15 tuổi 03 tháng). Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự quy định:

*“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.*

*g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi ...”.*

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Quốc L với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu đối với tài sản của công dân, gây mất trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản đã thu hồi lại được và đã trả lại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có câu ruột tên Nguyễn Văn T1 là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h,

s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Quốc L có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo L dưới khung hình phạt đã áp dụng. Cho nên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 thì, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”; do đó, bị cáo Nguyễn Quốc L có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh khó khăn và gia đình thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 cho bị hại Đặng Hoàng V. Sau khi nhận lại xe bị hại V không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng là tiền anh C giao cho bị cáo L để mua xe mô tô biển số 71B4 - 042.30, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho anh C số tiền 6.000.000 đồng, sau khi nhận tiền anh C không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của bị hại Đặng Hoàng V mua qua mạng rồi giao xe trực tiếp nhưng chưa làm thủ tục sang tên (xe mô tô này do anh Lê Nhật Đ, sinh năm 2004 cư trú tại 096/BH, ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe). Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho bị hại Đặng Hoàng V, Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám trắng có gắn sim số 0399105453 thu của bị cáo L, bị cáo L dùng để liên lạc mua bán, chiếm đoạt xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 của bị hại V, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B có sao chép vào 02 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo Nguyễn Quốc L cần lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn C, không biết được xe mô tô biển số 71B4 - 042.30 mà bị cáo L bán là xe do cướp giật mà có; anh Đào Thanh Nhân có đi cùng bị cáo L bán xe cho anh C, nhưng N2 cũng không biết xe do bị cáo L cướp giật mà

có; chị Nguyễn Thị Kim H1 (vợ bị cáo L) không biết số tiền 6.000.000 đồng bị cáo L đưa cất giữ là tiền bán xe mô tô cướp giật mà có nên không có cơ sở để xử lý anh C, anh N2 và chị Nguyễn Thị Kim H1.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Quốc L.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Quốc L.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám trắng có gắn sim số 0399105453 thu của bị cáo L (đã qua sử dụng).

Lưu theo hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hồi cung bị cáo Nguyễn Quốc L để làm chứng cứ.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/11/2023 giữa Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Quốc L.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa,

có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Huỳnh Thanh Hùng**